

BỨC TRANH NÔNG THÔN SÓC TRĂNG QUA ĐIỀU TRA NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP GIỮA KỲ NĂM 2020

Kết quả Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020 của tỉnh Sóc Trăng đã cung cấp bức tranh tổng quát về tình hình nông nghiệp, nông thôn với nhiều khởi sắc, trong đó nông thôn của tỉnh đạt một số kết quả tích cực.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tiếp tục được thực hiện tốt

Đến năm 2020, toàn tỉnh Sóc Trăng có 50/80 xã được công nhận xã nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 62,5%, vượt 2% chỉ tiêu Nghị quyết; các xã còn lại đạt 15 tiêu chí trở lên (trong đó, có 01 xã đạt 17 tiêu chí, 05 xã đạt 16 tiêu chí và 24 xã đạt 15 tiêu chí). Thị xã Ngã Năm hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo Quyết định 317/QĐ-TTg ngày 01/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ; huyện Mỹ Xuyên đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 905/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.



Tính đến thời điểm 01/7/2020, khu vực nông thôn của tỉnh có 40 xã đăng ký sản phẩm theo quy định của Chương trình mỗi xã một sản phẩm; 22 xã có sản phẩm được đánh giá phân hạng, đạt 55% số xã đăng ký (trong đó, 5 xã có sản phẩm được phân hạng 4 sao, 11 xã có sản phẩm 3 sao, 8 xã có sản phẩm dưới 3 sao); 36 sản phẩm được đánh giá (có 11 sản phẩm OCOP được chứng nhận

4 sao, 7 sản phẩm 3 sao; có 08 sản phẩm OCOP cấp tỉnh được đánh giá thăng hạng để hoàn chỉnh hồ sơ gửi Hội đồng đánh giá xếp hạng Trung ương đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia.

Các chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thực hiện trên địa bàn tỉnh trong những năm qua đã phát huy hiệu quả tích cực

Trong giai đoạn 2016-2020, tính đến năm 2020, có 24 sản phẩm OCOP được chứng nhận

đạt gần 479 tỷ đồng. Ngoài các nguồn kinh phí do ngân sách Nhà nước bố trí, Sóc Trăng luôn quan tâm và tập trung huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện tốt việc hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, hộ cận nghèo... Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo.

Kết quả điều tra năm 2020, khu vực nông thôn tỉnh Sóc Trăng có 11.630 hộ nghèo, giảm 71,31% so với năm 2016; 26.003 hộ cận nghèo, tăng 4,34%.

Kết cấu hạ tầng nông thôn tiếp tục được nâng cấp và hoàn thiện, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới

Trong 5 năm (2016 - 2020), bộ mặt nông thôn Sóc Trăng có sự biến đổi sâu sắc, nhất là kết cấu hạ tầng. Hầu hết các cơ sở hạ tầng quan trọng như: Hệ thống điện, giao thông, trường học, trạm y tế, thiết chế văn hóa, hệ thống bảo vệ môi trường của xã, ấp đã được tăng cường.

Mạng lưới điện nông thôn được phủ rộng, 100% xã, ấp có điện lưới quốc gia với 224,6 nghìn hộ sử dụng chiếm 99,84% tổng số hộ, tăng 5,26% so với năm 2016. Điện khí hóa nông thôn là điểm sáng nhất trong bức tranh tổng quát về xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng nông thôn của tỉnh trong những năm qua. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn.

Bên cạnh đó, hệ thống giao thông nông thôn cũng phát triển không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng. Công tác xây dựng giao thông nông thôn luôn được các địa phương quan tâm, đặc biệt là các công trình giao thông nông thôn gắn với tiêu chí nông thôn mới, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa, sản xuất, sinh hoạt và tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư về khu vực nông thôn.

Tính đến thời điểm 01/7/2020, 100% xã có đường giao thông chủ yếu từ trụ sở UBND huyện đến trụ sở UBND xã được rải nhựa, bê tông hóa; 100% xã có đường trục xã được rải nhựa, bê tông; 100% xã có đường trục ấp được rải nhựa, bê tông, tăng 2 xã so với năm 2016; Số ấp có đường xe ô tô

đi đến được là 415 ấp (tỷ lệ 71,31%), tăng 63 ấp so với năm 2016.

Hệ thống giáo dục cũng được chú trọng đầu tư, nâng cấp; 100% xã trong tỉnh có trường mẫu giáo, mầm non, tiểu học và trung học cơ sở và 100% trường được xây dựng kiên cố, bán kiên cố; có 16 trường trung học phổ thông được xây dựng kiên cố, tăng 01 trường so với năm 2016. Hệ thống giáo dục được quy hoạch lại, giảm các điểm trường lẻ và đầu tư xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp chuẩn hóa trường lớp học.

Toàn tỉnh có tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia cao, trong đó: Khối mẫu giáo 75/88 trường, chiếm 85,23% tổng số trường; khối tiểu học 134/168 trường, chiếm 79,76%; THCS 81/88, chiếm 92,05%; THPT có 100% trường đạt chuẩn quốc gia.

Hệ thống thiết chế văn hóa được bổ sung, hoàn thiện đáp ứng tốt hơn nhu cầu đời sống tinh thần, hưởng thụ văn hóa, tiếp cận thông tin của dân cư khu vực nông thôn. Tại thời điểm điều tra 01/7/2020, 80/80 xã có nhà văn hóa xã, đạt 100% tổng số xã; 54 xã có thư viện (tỷ lệ 67,5%); 100% xã có hệ thống loa truyền thanh; 556 ấp có nhà văn hóa ấp/ nhà sinh hoạt cộng đồng (tỷ lệ 95,53%), tăng 10,10% so với năm 2016; 43 xã có sân thể thao (tỷ lệ 53,75%), tăng 7,5% so với năm 2016; 248 ấp có khu thể thao ấp/ nơi sinh hoạt văn hóa thể thao/ nhà sinh hoạt cộng đồng (tỷ lệ 42,61%), tăng 194 ấp so với năm 2016.

Hệ thống thông tin liên lạc khu vực nông thôn cũng được nâng cấp và hoàn thiện, phục vụ tốt hơn hoạt động quản lý của các cấp, các ngành và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các

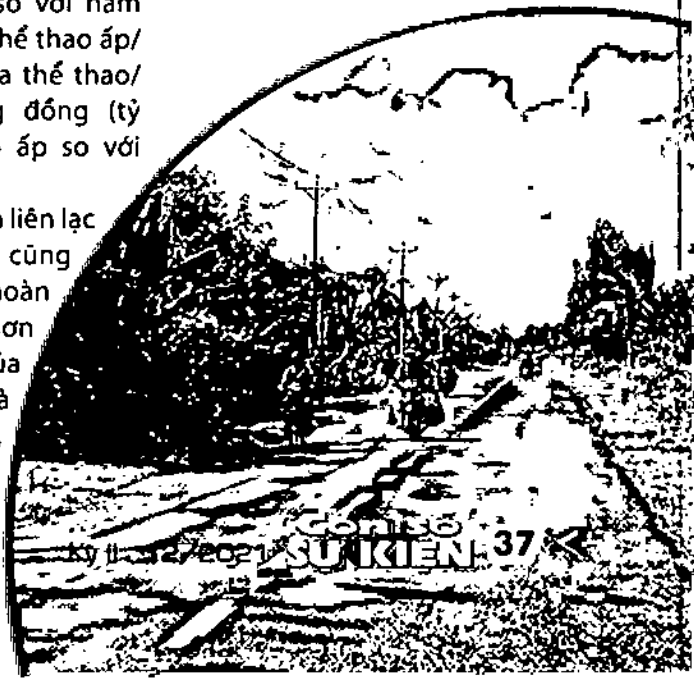
doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và sinh hoạt dân cư. Năm 2020, có 21 xã có bưu cục (tỷ lệ 26,25%); 69 xã có điểm bưu điện văn hóa (tỷ lệ 86,25%), tăng 13,11% so với năm 2016.

Hệ thống trạm y tế xã bao phủ 100% các xã; 62 xã có trạm y tế được xây dựng kiên cố, đạt 77,5%, tăng 16,98% so với năm 2016; 18 trạm y tế xây dựng bán kiên cố, giảm 33,33% so với năm 2016. Toàn tỉnh có 76 xã được công nhận đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, tăng 7,04% so với năm 2016. Tuy nhiên, tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ và tỷ lệ ấp có nhân viên y tế giảm (82,5% trạm y tế có bác sỹ, giảm 1,49% so với năm 2016; 71,99% ấp có nhân viên y tế, giảm 28,01%).

Cơ sở khám chữa bệnh ngoài trạm y tế xã phát triển khá mạnh (53 xã có cơ sở, tỷ lệ 66,25%, tăng 29,27% so với năm 2016; 65% xã có cơ sở khám chữa bệnh tư nhân (tăng 15 xã); 88,75% xã có cơ sở kinh doanh thuốc tây (tăng 6 xã), ...

Toàn tỉnh có 64 xã có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung (giảm 02 xã so với năm 2016). Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước máy 54,42% (tỷ lệ năm 2016 là 26,16%).

Hạ tầng vệ sinh môi trường nông thôn từng bước được cải thiện. Số ấp có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt chung là 70



(tỷ lệ 12,03%), tăng 59,09% so với năm 2016. Tỷ lệ xã có tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt là 83,75% (tăng 45,65% so với năm 2016); tỷ lệ ấp có tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt cũng tăng từ 33,33% năm 2016 lên 42,78% năm 2020.

Dịch vụ hỗ trợ kinh tế nông thôn, kinh tế phi nông nghiệp phát triển tích cực

Tỷ lệ xã có chợ từ 63,75% năm 2016 tăng lên 67,5% năm 2020; số xã có chợ được xây dựng kiên cố, bán kiên cố từ 48,75% tăng lên 57,5%. Số lượng chợ nông thôn là 81 chợ, trong đó, có 48 chợ được xây dựng kiên cố, bán kiên cố.

Mạng lưới khuyến nông được duy trì hoạt động, có 76,25% xã có cán bộ khuyến nông, lâm, ngư nghiệp; 96,25% xã có cán bộ thú y.

Cơ sở sản xuất công nghiệp chế biến hình thành và phát triển mạnh ở công nghiệp chế biến hải sản. Tính đến 01/7/2020, toàn tỉnh có 19 xã có hộ/cơ sở chuyên chế biến hải sản (tăng 7 xã so với năm 2016) với 148 cơ sở, tăng 109 cơ sở.

Kinh tế tập thể, tổ hợp tác ngày càng phát huy hiệu quả, có 96,25% xã có hợp tác xã nông, lâm, thủy sản hoạt động (tăng 50,98% so với năm 2016); có 129 hợp tác xã nông, lâm, thủy sản (tăng 63,29%) và 597 tổ hợp tác hoạt động trên địa bàn (trong đó, thành viên tham gia tổ hợp tác thủy sản trên 3,5 ngàn người, tăng 55,45% so với năm 2016; bình quân 01 tổ hợp tác có 35 người).

Làng nghề được rà soát, hình thành thêm làng nghề mới. Số xã có làng nghề tính đến 01/7/2020

là 4 xã (năm 2016 chỉ có 1 xã); số làng nghề được công nhận là 4 (trong đó, có 02 làng nghề truyền thống); cơ sở sản xuất của làng nghề là 114, tăng 40,74% so với năm 2016 với số người tham gia lao động thường xuyên là 405 người.

Có thể nói, với việc triển khai có hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, bộ mặt nông thôn Sóc Trăng đã có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống của người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao hơn. Những kết quả đạt được là cơ sở quan trọng để cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành hoạch định chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong giai đoạn tới, nhất là ở khu vực nông nghiệp, nông thôn./

P.V

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP...

(Tiếp theo trang 18)

Hai là, Chính phủ cần tiếp tục ban hành những chính sách phù hợp với thực tiễn sản xuất, có khả thi cao nhằm huy động các nguồn lực để thực hiện cuộc cách mạng nông nghiệp thông minh, từ đó chủ động đầu tư công nghệ phù hợp vào mô hình nông nghiệp thông minh (để tạo ra những) sản phẩm nông sản độc đáo, an toàn và có khả năng cạnh tranh cao.

Ba là, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tập trung xây dựng được kiến trúc tổng thể của Chính phủ số và kinh tế số của ngành nông nghiệp. Nghiên cứu thiết kế nền tảng số tập trung và khung cơ sở dữ liệu số cho nông nghiệp, đồng bộ giữa các nhóm

ngành nghề theo cơ cấu tổ chức. Cần có đầu mối tập trung ở cấp bộ để thiết kế cấu trúc hệ thống công nghệ thông tin.

Bốn là, tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao để chủ động trong quá trình tiếp cận nông nghiệp thông minh. Công tác khuyến nông tập trung vào đào tạo kỹ năng thay đổi mô hình kinh doanh số cho các hợp tác xã, doanh nghiệp.

Năm là, triển khai xây dựng, thu thập cơ sở dữ liệu trực tuyến nông nghiệp, tích hợp, đồng bộ.

Sáu là, khuyến khích thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phục vụ nông nghiệp. Trước mắt các công nghệ tự động hoá trong sản xuất nông nghiệp,

gắn với nền tảng truy xuất nguồn gốc là những lĩnh vực cần được ưu tiên nghiên cứu để có thể ứng dụng ngay trong thời gian ngắn.

Bảy là, tiếp tục làm tốt công tác đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực có chất lượng cao để chủ động trong quá trình tiếp cận nông nghiệp thông minh. Tập trung đào tạo kỹ năng thay đổi mô hình kinh doanh số cho các hợp tác xã, doanh nghiệp, chủ trang trại cũng như các hộ gia đình.

Tám là, thúc đẩy nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp thông minh, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế để tiếp thu các công nghệ nông nghiệp thông minh phương thức quản trị số phù hợp của thế giới qua đó giúp tăng năng suất lao động không chỉ mang lại hiệu suất sản xuất quả cao mà còn tiết kiệm được thời gian./